

Triển vọng hợp tác tiền tệ khu vực Đông Á

LÊ THỊ THÙY VÂN

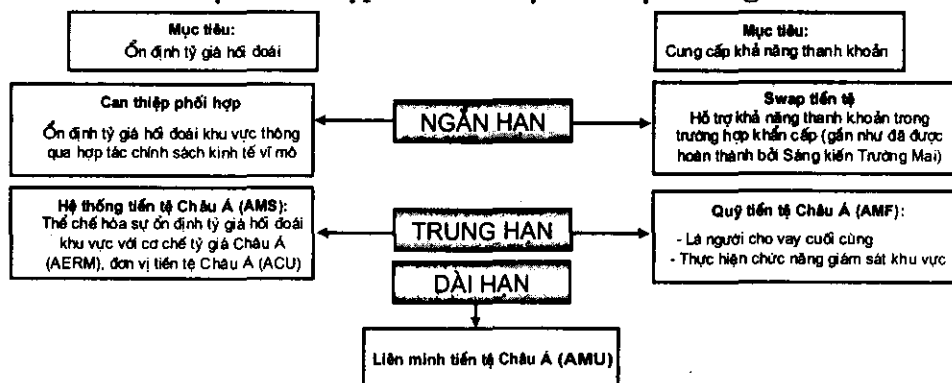
Hợp tác tiền tệ Đông Á đang trở thành một vấn đề nổi bật, được đề cập đến nhiều trong các cuộc hội thảo hay các cuộc họp của các nước khu vực kể từ sau khủng hoảng tiền tệ Châu Á năm 1997 đến nay. Trong cuộc họp thường niên của Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB) tại Kyoto, Nhật Bản vào tháng 5-2007 vừa qua, các Bộ trưởng Tài chính đã cùng thỏa thuận về việc lập một quỹ dự trữ ngoại hối chung khoảng 2,7 nghìn tỷ USD nhằm tiếp ứng cho nhau khi cần thiết, ngăn chặn sự lặp lại của cuộc khủng hoảng tài chính tiền tệ cách đây 10 năm tại khu vực. Điều này cho thấy hợp tác tiền tệ Đông Á đã và đang ngày càng trở nên cấp thiết đối với sự ổn định và phát triển của các nền kinh tế thành viên nói riêng và của cả khu vực Đông Á nói chung. Với bài viết này, tác giả mong muốn đóng góp một đề xuất về lộ trình hội nhập tiền tệ Đông Á và đưa ra những nhận định để đánh giá khả năng hội nhập đó.

1. Lộ trình hợp tác tiền tệ Đông Á

Trong bối cảnh hiện nay, có rất nhiều đề xuất khác nhau về hợp tác tiền tệ để tránh sự biến động quá nhiều về tỷ giá; đồng thời ngăn ngừa khủng hoảng. Tuy nhiên, các đề xuất hợp tác tiền tệ khu vực Đông Á phải giải quyết ít nhất 2 vấn đề: làm thế nào để ổn định tỷ giá trong khu vực, và làm thế nào để đảm bảo được khả năng thanh khoản quốc tế trong trường hợp cấp thiết. Xuất phát từ các vấn đề hiện tại cũng như nhu cầu hội nhập khu vực, lộ trình hợp tác tiền tệ Đông Á có thể chia thành 3 giai đoạn: ngắn hạn, trung hạn và dài hạn, tùy theo mức độ khả thi của các đề xuất và tùy theo thời gian cần thiết để

hiện thực hóa các đề xuất. Trong ngắn hạn, các quốc gia có thể xem xét đề xuất về can thiệp phối hợp giữa các quốc gia liên quan trên thị trường ngoại hối nhằm bình ổn tỷ giá hối đoái, và các hợp đồng hoán đổi (swap) tiền tệ để cung cấp khả năng thanh khoản quốc tế trong trường hợp cấp thiết. Trong trung hạn, các quốc gia nên tính đến việc thiết lập Hệ thống tiền tệ Châu Á nhằm ổn định tỷ giá hối đoái chắc chắn hơn và Quỹ tiền tệ Châu Á nhằm thể chế hóa việc cung cấp khả năng thanh khoản quốc tế. Cuối cùng, trong dài hạn, một Liên minh tiền tệ Châu Á là đề xuất quan trọng để các quốc gia Châu Á đi đến đích hợp tác tiền tệ của mình.

Lộ trình hợp tác tiền tệ khu vực Đông Á



Lê Thị Thùy Vân, Viện Khoa học Tài chính.

2. Đánh giá triển vọng hợp tác tiền tệ khu vực Đông Á

2.1. Đánh giá triển vọng ngắn hạn

Về ngắn hạn, có thể nhận thấy rằng triển vọng hợp tác tiền tệ là rất khả thi.

BẢNG 1: Dự trữ ngoại hối (trừ vàng) của các nước Châu Á

Quốc gia/khu vực	% thay đổi so với năm trước		Giá trị (tỷ USD)				
	12-2004	12-2005	12-2004	12-2005	3-2006	6-2006	9-2006
Brunây	4,9	-2,2	0,5	0,5	0,5	0,5	
Campuchia	15,7	1,0	0,9	1,0	1,0	1,0	
Trung Quốc	50,6	33,7	614,5	821,5	877,6	943,6	990,5
Hồng Kông	4,4	0,6	123,5	124,2	125,8	126,6	130,3
Indônêxia	0,0	-5,6	35,0	33,0	38,2	38,3	40,5
Hàn Quốc	28,2	5,7	199,0	210,3	217,3	225,6	228,2
Lào	7,0	4,9	0,2	0,2	0,2	0,3	
Malaixia	49,1	5,2	66,4	69,9	73,1	78,4	79,2
Mianma	22,2	14,7	0,7	0,8	0,9	0,9	
Philippin	-3,9	21,4	13,1	15,9	17,8	18,2	18,8
Xingapo	17,2	3,2	112,2	115,8	121,4	127,3	129,2
Thái Lan	18,5	4,2	48,7	50,7	53,7	56,4	60,0
Việt Nam	13,1	28,5	7,0	9,1	10,7	10,7	
Các nước mới nổi Đông Á	32,8	18,9	1221,8	1452,8	1538,3	1628,0	1690,1
Nhật Bản	25,7	0,0	833,9	834,3	837,7	849,8	866,5
Đông Á	29,8	11,3	2055,7	2287,1	2376,0	2477,8	2556,7

Nguồn: ADB

Trước hết, về thỏa thuận swap tiền tệ: 10 thành viên của ASEAN, cùng với Trung Quốc, Nhật Bản và Hàn Quốc (tức ASEAN+3) đã đồng ý lập nên mạng lưới swap tiền tệ song phương gọi là Sáng kiến Trường Mai (CMI) tại Hội nghị Bộ trưởng Tài chính ASEAN+3 vào tháng 5-2000 (tại Trường Mai, Thái Lan). Với tổng lượng dự trữ ngoại hối dồi dào và đang có xu hướng tăng trưởng nhanh (xem bảng 1), việc thực hiện các thỏa thuận swap tiền tệ song phương là hoàn toàn có thể được hỗ trợ thực hiện trong ngắn hạn. Thỏa thuận swap tiền tệ song phương theo Sáng kiến Trường Mai

với tổng trị giá 58,5 tỷ USD và 17 hợp đồng Swap tiền tệ, dự kiến có thể hoàn thành vào cuối năm 2008. Tuy nhiên, thỏa thuận của Sáng kiến Trường Mai chỉ cho phép các nước trao đổi tiền tệ song phương. Do đó, trong cuộc họp thường niên của ADB vào tháng 5-2007 vừa qua tại Kyoto, Bộ trưởng Tài chính Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc và các nước Đông Nam Á đã cùng thỏa thuận về việc lập một quỹ dự trữ ngoại hối chung khoảng 2,7 nghìn tỷ USD nhằm tiếp ứng cho nhau khi cần thiết. Đây được coi là một bước tiến mới trong ngắn hạn của lộ trình hợp tác tiền tệ Đông Á.

2. Đánh giá triển vọng hợp tác tiền tệ khu vực Đông Á

2.1. Đánh giá triển vọng ngắn hạn

Về ngắn hạn, có thể nhận thấy rằng triển vọng hợp tác tiền tệ là rất khả thi.

BẢNG 1: Dự trữ ngoại hối (trừ vàng) của các nước Châu Á

Quốc gia/khu vực	% thay đổi so với năm trước		Giá trị (tỷ USD)				
	12-2004	12-2005	12-2004	12-2005	3-2006	6-2006	9-2006
Brunây	4,9	-2,2	0,5	0,5	0,5	0,5	
Campuchia	15,7	1,0	0,9	1,0	1,0	1,0	
Trung Quốc	50,6	33,7	614,5	821,5	877,6	943,6	990,5
Hồng Kông	4,4	0,6	123,5	124,2	125,8	126,6	130,3
Indônêxia	0,0	-5,6	35,0	33,0	38,2	38,3	40,5
Hàn Quốc	28,2	5,7	199,0	210,3	217,3	225,6	228,2
Lào	7,0	4,9	0,2	0,2	0,2	0,3	
Malaixia	49,1	5,2	66,4	69,9	73,1	78,4	79,2
Mianma	22,2	14,7	0,7	0,8	0,9	0,9	
Philippin	-3,9	21,4	13,1	15,9	17,8	18,2	18,8
Xingapo	17,2	3,2	112,2	115,8	121,4	127,3	129,2
Thái Lan	18,5	4,2	48,7	50,7	53,7	56,4	60,0
Việt Nam	13,1	28,5	7,0	9,1	10,7	10,7	
Các nước mới nổi Đông Á	32,8	18,9	1221,8	1452,8	1538,3	1628,0	1690,1
Nhật Bản	25,7	0,0	833,9	834,3	837,7	849,8	866,5
Đông Á	29,8	11,3	2055,7	2287,1	2376,0	2477,8	2556,7

Nguồn: ADB

Trước hết, về thỏa thuận swap tiền tệ: 10 thành viên của ASEAN, cùng với Trung Quốc, Nhật Bản và Hàn Quốc (tức ASEAN+3) đã đồng ý lập nên mạng lưới swap tiền tệ song phương gọi là Sáng kiến Trường Mai (CMI) tại Hội nghị Bộ trưởng Tài chính ASEAN+3 vào tháng 5-2000 (tại Trường Mai, Thái Lan). Với tổng lượng dự trữ ngoại hối dồi dào và đang có xu hướng tăng trưởng nhanh (xem bảng 1), việc thực hiện các thỏa thuận swap tiền tệ song phương là hoàn toàn có thể được hỗ trợ thực hiện trong ngắn hạn. Thỏa thuận swap tiền tệ song phương theo Sáng kiến Trường Mai

với tổng trị giá 58,5 tỷ USD và 17 hợp đồng Swap tiền tệ, dự kiến có thể hoàn thành vào cuối năm 2008. Tuy nhiên, thỏa thuận của Sáng kiến Trường Mai chỉ cho phép các nước trao đổi tiền tệ song phương. Do đó, trong cuộc họp thường niên của ADB vào tháng 5-2007 vừa qua tại Kyoto, Bộ trưởng Tài chính Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc và các nước Đông Nam Á đã cùng thỏa thuận về việc lập một quỹ dự trữ ngoại hối chung khoảng 2,7 nghìn tỷ USD nhằm tiếp ứng cho nhau khi cần thiết. Đây được coi là một bước tiến mới trong ngắn hạn của lộ trình hợp tác tiền tệ Đông Á.

BẢNG 2: Swap tiền tệ song phương theo Sáng kiến Đông Á Mai

(Tổng trị giá 58,5 tỷ USD, 17 hợp đồng)⁶

(Tính đến ngày 10-1-2005) (Đơn vị: tỷ USD)

	Hàn Quốc	Nhật Bản	Trung Quốc
Hàn Quốc		- Hỗ trợ của Nhật Bản: 2 (3-7-2007) ¹ - Hỗ trợ song phương: 3 (3-7-2007)	- Hỗ trợ song phương: 4 (23-6-2007)
Nhật Bản	- Hỗ trợ của Nhật Bản: 2 (3-7-2007) ² - Hỗ trợ song phương: 3 (3-7-2007) ³		- Hỗ trợ song phương: 3 (27-3-2006)
Trung Quốc	- Hỗ trợ song phương: 4 (23-6-2007)	- Hỗ trợ song phương: 3 (27-3-2006)	
Thái Lan	- Hỗ trợ song phương: 1 (24-6-2005) ⁵	- Hỗ trợ song phương: 3 (6-3-2007)	- Hỗ trợ của Trung Quốc: 2 (5-12-2004) ⁴
Malaixia	- Hỗ trợ song phương: 1,5 (13-10-2008)	- Hỗ trợ của Nhật Bản: 1 (4-10-2007) ⁴	- Hỗ trợ của Trung Quốc: 1,5 (8-10-2005) ⁵
Philippin	- Hỗ trợ song phương: 1,5 (16-10-2007) ⁵	- Hỗ trợ của Nhật Bản: 3 (26-2-2006)	- Hỗ trợ của Trung Quốc: 1 (29-8-2006) ⁶
Indônêxia	- Hỗ trợ song phương: 1 (23-12-2006)	- Hỗ trợ của Nhật Bản: 6 (30-8-2008)	- Hỗ trợ của Trung Quốc: 2 (6-10-2008)
Xingapo		- Hỗ trợ của Nhật Bản: 3 (9-11-2006)	
Tổng cộng	- Tổng giá trị: 14 - 6 quốc gia	- Tổng giá trị: 24 - 7 quốc gia	- Tổng giá trị: 13,5 - 6 quốc gia

Ghi chú:

1. Ngày ở trong ngoặc là ngày kết thúc/hết hạn của hợp đồng
2. Ngoài swap tiền tệ đang tồn tại trị giá 5 tỷ USD dựa trên kế hoạch Miyazawa.
3. Swap tiền tệ Won Hàn Quốc - Yên Nhật trong thời bình
4. Ngoài swap tiền tệ đang tồn tại trị giá 2,5 tỷ USD dựa trên kế hoạch Miyazawa
5. Tạm thời hết hạn
6. Bao gồm swap tiền tệ ở ghi chú 5.

Thứ hai, đối với vấn đề can thiệp phối hợp: trong bối cảnh hiện nay, khi Trung Quốc đã từ bỏ chế độ neo cứng tỷ giá hối đoái (tháng 7-2005) và các quốc gia khác đang thực hiện cơ chế tỷ giá hối đoái linh hoạt hoặc linh hoạt có quản lý (xem bảng 3), thì sự can thiệp phối hợp được đưa ra trong lộ trình hợp tác tiền tệ ngắn hạn có thể được thực hiện trong thời gian tới. Quan trọng hơn, đối với khu vực, việc tăng cường sự can thiệp phối hợp giữa các

quốc gia Đông Á sẽ giúp tránh tình trạng suy giảm năng lực cạnh tranh.

Tuy nhiên, để can thiệp phối hợp trong khu vực, trước hết, các hệ thống tỷ giá trong khu vực nên được linh hoạt hơn nữa. Cuộc khủng hoảng tài chính năm 1997 cho thấy rằng một khi khủng hoảng tài chính nổ ra ở một quốc gia trong khu vực, thì các quốc gia khác chắc chắn sẽ bị lây nhiễm. Theo đó,

một số quốc gia thực thi hệ thống tỷ giá cố định sẽ gặp nhiều khó khăn để thoát khỏi khủng hoảng khi khủng hoảng xảy ra ở một quốc gia trong khu vực. Đây là bài học quan trọng mà các quốc gia thực thi hệ thống tỷ giá hối đoái cố định nên xem xét. Do đó, vấn đề quan trọng được đặt ra

trong hợp tác tiền tệ ngắn hạn là các quốc gia cần tăng cường đối thoại và phối hợp nghiên cứu xem hình thức hệ thống tỷ giá hối đoái nào sẽ thích hợp hơn cho cả khu vực Đông Á. Đây chính là một thách thức được đặt ra trong ngắn hạn.

BẢNG 3: Cơ chế tỷ giá hối đoái chính thức ở một số quốc gia Đông Á

Tên nước	Thời gian	Chế độ tỷ giá
Indônêxia	11-1978 – 6-1997	Thả nổi có quản lý
	7-1997 – đến nay	Thả nổi hoàn toàn
Hàn Quốc	3-1980 – 10-1997	Thả nổi có quản lý
	11-1997 – đến nay	Thả nổi hoàn toàn
Malaixia	1-1986 – 2-1990	Linh hoạt có giới hạn
	3-1990 – 11-1992	Cố định
	12-1992 – 9-1998	Thả nổi có quản lý
	9-1998 – 20-7-2005	Neo cố định
	21-7-2005 - đến nay	Thả nổi có quản lý
Philippin	1-1988 – đến nay	Thả nổi hoàn toàn
Thái Lan	1-1970 – 6-1997	Cố định
	7-1997 – đến nay	Thả nổi hoàn toàn

Nguồn: Leonardo Hernández, IMF

2.2. Đánh giá triển vọng hợp tác trung và dài hạn

Để đánh giá triển vọng hợp tác tiền tệ trung và dài hạn của khu vực Đông Á cần xem xét khả năng đi đến cái đích hợp tác tiền tệ cuối cùng trong khu vực là Liên minh tiền tệ Đông Á.

Cho đến nay, một số nghiên cứu về hợp tác tiền tệ Châu Á, bao gồm Bayoumi và Eichengreen (1994), Eichengreen và Bayoumi (1999), Frankel và Wei (1994), Goto và Hamada (1994), Kwan (1998) và Rhee (1999), đã đánh giá các điều kiện hội nhập tiền tệ khu vực. Có rất nhiều tiêu chí để đánh giá các điều kiện liên minh tiền tệ ở Đông Á. Các điều kiện này có thể chia làm 2 nhóm: (i). Nhóm tiêu chí dựa trên lý thuyết về khu vực tiền tệ tối ưu, so sánh chi phí và lợi ích của liên minh tiền tệ và đề xuất sự tham gia trong liên minh tiền tệ nếu các lợi ích thu được lớn hơn chi phí; (ii). Nhóm các tiêu chí nhất thể hóa mà EU đã sử dụng.

- Các điều kiện cho một khu vực tiền tệ tối ưu:

Lý thuyết về khu vực tiền tệ tối ưu do Mundell (1961) là người đầu tiên đưa ra và được McKinnon (1963), Kenen (1969) phát triển thêm. Lý thuyết này đưa ra các tiêu chí để đánh giá các điều kiện liên minh tiền tệ, bao gồm: tính đối xứng của các cú sốc tác động đến các quốc gia trong khu vực; sự phụ thuộc lẫn nhau giữa các quốc gia thành viên; tính linh hoạt của các yếu tố sản xuất (vốn, lao động) và tính mở của nền kinh tế.

Trước hết, khi các cú sốc tác động đến các quốc gia trong khu vực có tính đối xứng, xét từ triển vọng quốc tế thì các nước này có thể được bù đắp bằng một vị trí tương tự trong chính sách tiền tệ và chi phí từ bỏ chính sách tiền tệ độc lập sẽ rất nhỏ. Các nghiên cứu kinh nghiệm về tính đối xứng của các cú sốc ngoại sinh ở các quốc gia Đông Á (theo Eichengreen và Bayoumi (1999), Kwan (1998), Goto và

Hamada (1994) và Taguchi (1994)) đều cho rằng các quốc gia Đông Á chia sẻ các cú sốc tương tự như các quốc gia Châu Âu.

Thứ hai, sự phụ thuộc lẫn nhau về kinh tế trong khu vực Đông Á ngày càng trở nên sâu sắc hơn thông qua quan hệ thương mại và đầu tư nội vùng. Tỷ suất thương mại nội vùng chiếm 51% trong tổng giá trị trao đổi thương mại của Đông Á (năm 1996), thấp hơn tỷ lệ 62,6% ở Châu Âu, nhưng tỷ lệ đầu tư nội vùng chiếm 64,9% trong tổng các dòng FDI ra của Đông Á (năm 1996), cao hơn tỷ lệ 51,7% của EU. Đặc biệt, sự tương quan giữa các cấu trúc thương mại của các nước Đông Á chia thành hai phân nhóm gần với số liệu tương đương của EU với hệ số tương quan 0,52 cho 11 quốc gia, EU¹: hệ số tương quan của nhóm 1 bao gồm Nhật Bản và các nước NIEs Đông Á là 0,45 và của nhóm 2 bao gồm ASEAN 4 và Trung Quốc là 0,46 (Kwan, 1998).

Thứ ba, nếu tính linh hoạt về các yếu tố sản xuất (vốn và lao động) tương đối cao giữa các quốc gia trong khu vực, thì sẽ dễ dàng bù đắp những mất cân đối về kinh tế vĩ mô tăng lên do các cú sốc bất đối xứng và các chi phí tham gia liên minh tiền tệ sẽ tương đối nhỏ.

Goto và Hamada (1994) cho thấy rằng số dân nhập cư, chủ yếu từ các nước kém phát triển ASEAN đến các nước công nghiệp NIEs, đều chiếm tỷ lệ đáng kể. Tính linh hoạt về vốn cũng cao ở Đông Á. Vào năm 1998, các tỷ suất FDI vào và ra trong tổng GNP khu vực Đông Á² là 1,56% và 1,74%. Tỷ suất này tương đối cao so với con số tương đương 1,26% và 1,59% của EU³ (Moon et. Al., 2000). Mặc dù Nhật Bản là nguồn đầu tư chính trong khu vực, nhưng gần đây, tỷ trọng đầu tư của các nước NIEs cũng đang tăng lên.

Thứ tư, hầu hết các quốc gia Đông Á có mức độ mở cửa cao. So với EU, khu vực có mức độ mở cửa tính theo tỷ trọng thương mại/GDP là 17,2% trong năm 1997, các quốc gia Đông Á có mức độ mở cửa cao hơn với 37,6%.

- Các tiêu chí nhất thể hóa:

Hiệp ước Maastricht đặt ra 5 tiêu chí nhất thể hóa tiền tệ và kinh tế mà các quốc gia thành viên của EU phải đáp ứng. Mục tiêu của các tiêu chí này là đảm bảo duy trì sự hoạt động của liên minh trong dài hạn và để ổn định giá trị của đồng tiền chung. Kết quả của việc áp dụng các tiêu chí nhất thể hóa này ở Đông Á được trình bày trong bảng dưới đây.

BẢNG 4: Hội nhập kinh tế vĩ mô của các quốc gia Đông Á (1999-2003)¹ (%)

	Lạm phát	Lãi suất ²	Biến động tỷ giá hối đoái	Thặng dư (thâm hụt) ngân sách/GDP	Nợ công/GDP
Đài Loan	0,97	4,09	0,67	-5,18	28,53
Malaixia	1,71	4,98	-0,61	-5,57	66,4
Xingapo	0,50	3,9	0,85	5,02	93,4
Indônêxia	10,83	8,57 ³	-1,93	-0,59	45,2
Nhật Bản	-0,58	1,44	-2,0	1,81	113,8
Trung Quốc	0,93	25,75	0	-3,11	9,58
Thái Lan	1,18	4,33	0,30	-2,33	2,49
Hồng Kông	-2,98	6,0	0,1	-2,1	8,37 ⁴
Hàn Quốc	2,68	6,57	-2,75	0,85	20,68

Ghi chú: 1. Bình quân giai đoạn 1999-2003

2. Lãi suất trái phiếu kho bạc (10 năm)

3. Tiền gửi kỳ hạn (2 năm)

4. Dữ liệu năm 2004

Nguồn: International Financial Statistics & World Economic Outlook 2004 IMF, ADB Database, NHTU Hàn Quốc, NHTU Nhật Bản.

1. Bao gồm: Đức, Pháp, Italia, Anh, Tây Ban Nha, Hà Lan, Bỉ, Đan Mạch, AiLen, Hy Lạp và Bồ Đào Nha.

2. Bao gồm: Nhật, NIEs (Hàn Quốc, Đài Loan, Xingapo), ASEAN-4 (Thái Lan, Malaixia, Phillipin, Indônêxia) và Trung Quốc.

3. 15 quốc gia EU.

Về lạm phát, tỷ lệ lạm phát bình quân của 3 quốc gia có tỷ lệ thấp nhất bao gồm Hồng Kông, Nhật Bản và Xingapo là -1,02%. Không quốc gia nào đáp ứng được mức độ yêu cầu chính do tỷ lệ lạm phát dưới 0% ở Hồng Kông và Nhật Bản trong suốt giai đoạn 1999-2003. Ngoại trừ 2 nước này, hầu hết các nước khác (không kể Indônêxia) đều đáp ứng được yêu cầu. Tuy nhiên, nếu xét đến tính năng động

của các nền kinh tế Đông Á, tỷ lệ lạm phát ở Đông Á (trừ Indônêxia) dường như không cao. Thật vậy, tỷ lệ lạm phát bình quân trong thập niên 1980 của các quốc gia EU cao hơn của các quốc gia Đông Á và chỉ trong thời gian gần đây thì tỷ lệ này ở các quốc gia EU mới thấp hơn các quốc gia Đông Á. Đặc biệt, sau khủng hoảng, tỷ lệ lạm phát có xu hướng giảm ở nhiều quốc gia Đông Á, trong đó có cả Hàn Quốc.

HỢP: Các tiêu chí nhất thể hóa của Hiệp ước Maastricht

1. Ổn định giá cả: tỷ lệ lạm phát không vượt quá 1,5% mức bình quân của 3 nước có mức tăng giá thấp nhất
2. Lãi suất thấp: lãi suất dài hạn không vượt quá 2% mức bình quân của 3 nước thành viên có mức lãi suất thấp nhất
3. Ổn định tỷ giá hối đoái: có ít nhất 2 năm tuân thủ chế độ tỷ giá và mức biến động tỷ giá do Hệ thống tiền tệ Châu Âu quy định
4. Không có thâm hụt tài khóa quá lớn, tức là: (i) thâm hụt ngân sách phải thấp hơn 3% GDP; (ii) Nợ chính phủ/GDP không vượt quá 60%

Ngoài ra, tất cả các quốc gia Đông Á đáp ứng được yêu cầu về thâm hụt ngân sách (ngoại trừ Đài Loan và Malaixia) và nợ công thấp dưới 6% GNP (ngoại trừ Nhật Bản, Xingapo và Malaixia). Do đó, có thể kết luận rằng hầu hết các quốc gia Đông Á đáp ứng được tiêu chuẩn về tài khóa.

Về thị trường tài chính, tất cả các quốc gia Đông Á, ngoại trừ Indônêxia, Hàn Quốc và Hồng Kông đáp ứng được mức yêu cầu về tỷ lệ lãi suất dài hạn trong giai đoạn 1999-2003. Tuy nhiên, trong những năm gần đây, tỷ lệ lãi suất dài hạn vẫn còn ở mức thấp ở Hàn Quốc. Sự biến động của tỷ giá hối đoái danh nghĩa ở Đông Á dường như không nhiều lắm.

3. Kết luận

Như đã xem xét ở trên, nếu kết hợp tiêu chí khu vực tiền tệ tối ưu và các tiêu chí nhất thể hóa Maastricht lại với nhau, thì Đông Á dường như đã có đầy đủ các điều kiện kinh tế để tạo thành một Liên minh tiền tệ. Tuy nhiên, khu vực này vẫn có nhiều điểm rất khác biệt với Châu Âu, khiến

cho quá trình tiến tới một Liên minh tiền tệ ở Đông Á trở nên khó khăn hơn nhiều so với Châu Âu:

Thứ nhất, các nền kinh tế Đông Á không có được mức tương đồng như các nước Châu Âu về thu nhập, trình độ phát triển và cơ cấu kinh tế. Điều đó có nghĩa là việc thống nhất một cơ chế tiền tệ ở Đông Á sẽ khó hơn nhiều.

Thứ hai, Đông Á kém độc lập về thương mại hơn so với Châu Âu. Cùng với quá trình phát triển, thương mại trong khu vực đã tăng từ 20-30% tổng giá trị xuất khẩu trong những năm 1980 lên đến khoảng 40-50% năm 2002, nhưng một nửa giá trị của thương mại trong khu vực là nguyên liệu thô và sản phẩm trung gian, những sản phẩm cuối cùng sẽ được xuất khẩu ra ngoài khu vực. Ví dụ, vi mạch và đĩa mềm được trao đổi trong khu vực, nhưng máy vi tính lắp ráp sẽ được bán sang Mỹ và Châu Âu. Do đó, các nước Đông Á trực tiếp và gián tiếp vẫn phụ thuộc nhiều vào xuất khẩu sang các nước ngoài khu vực. Vì vậy, Đông Á

phải quan tâm đến ổn định tỷ giá đối với các đồng tiền trong và ngoài khu vực hơn khu vực Châu Âu.

Thứ ba, thời điểm tự do hóa tài khoản vốn của Đông Á khác với Châu Âu. Ở Châu Âu, hầu hết các nước không tự do hóa hoàn toàn tài khoản vốn cho đến tận cuối những năm 1980 và đầu những năm 1990, sau khi thị trường tài chính đã phát triển cao và hội nhập sâu. Ngược lại, nhiều nước Đông Á (ngoại trừ Trung Quốc) tự do hóa tài khoản vốn trước khi thị trường tài chính phát triển. Đặc điểm này làm trầm trọng thêm mức độ tổn thương của nền kinh tế khi các luồng vốn biến động. Rõ ràng sự chu chuyển của vốn tự do sẽ tạo ra nhiều khó khăn cho việc duy trì chế độ neo tỷ giá và một đồng tiền hoặc vào rổ tiền tệ, một yếu tố cơ bản hình thành liên minh tiền tệ.

Cuối cùng, và cũng là quan trọng hơn cả, là Đông Á thiếu sự liên kết và thống nhất về chính trị. Thật vậy, thiếu tin tưởng về chính trị, bất đồng khá lớn trong phát triển kinh tế và tham vọng thu tóm quyền lực trong khu vực của Nhật Bản và Trung Quốc khiến

cho quá trình tạo lập một thể chế hợp tác tiền tệ ở Châu Á trở nên khó khăn hơn so với Châu Âu. Các quốc gia Đông Á cần có ý chí chính trị rất mạnh thì mới có thể hướng đến quá trình hội nhập một cách toàn diện và lâu dài./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Masahiro Kawai, 2006 - "Toward a Regional Exchange Rate Regime in East Asia", ADB.
2. Junggun Oh, 11/2005 - "Needs and Directions of Monetary Cooperation in East Asia" - Institute for Monetary and Economic Research, Bank of Korea.
3. Masahiro Kawai and Taizo Motonishi, 2005- "Is East Asia an Optimum Currency Area?" - Social Science University of Tokyo & Economics Kansai University.
4. Reuters, 2005 - "A Basket of Currencies from ASEAN and Three Countries to be prepared".
5. Yoon-Dae Euh, Dr, 1999 - "In Search of a Stable Currency System in the 21st Century" - Korea Center for International Finance
6. Peter Wilson, 2004 - "Prospects for Asian Exchange Rate Cooperation: Why an ERM Solution Might Be The Most Palatable?" - City University of Hong Kong APEC Study Center.

ĐÍNH CHÍNH

Do sai sót kỹ thuật, Tạp chí Nghiên cứu Kinh tế số 351, tháng 8-2007, trang 4, cột 2, dòng 14 (dưới lên) đã in: "đồng SDR đã hoàn toàn được tự do chuyển đổi"; nay sửa lại là: "đồng SGD đã hoàn toàn được tự do chuyển đổi".

Xin cáo lỗi với tác giả và bạn đọc.